

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH NGÀY 28.03.2017: Đổ lửa tại Big Cap

Áp lực điều chỉnh tại hầu hết các nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn khiến VN-Index rơi khỏi mức 720 điểm. ROS và BVH là 2 cổ phiếu duy nhất duy trì được sắc xanh trong top 10 vốn hoá trên sàn HOSE.

VN-Index mở cửa diễn biến giằng co vào đầu phiên trước khi quay đầu giảm điểm ngay trong phiên buổi sáng. Chỉ số chốt phiên tại mức 719.26 điểm, giảm 0.59%, thanh khoản trên sàn sụt giảm nhưng vẫn duy trì được trên 3,700 tỷ đồng. Thanh khoản tại VN30 được duy trì khá cao trong vòng 1 tuần qua cho thấy dòng tiền vẫn đổ về nhóm cổ phiếu cơ bản.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau thời gian tăng giá đã bắt đầu mất nhiệt và giảm giá khá mạnh. Dẫn đầu là nhóm STB (-2.2%), BID (-2.0%) và ACB (-2.0%), các cổ phiếu đã tăng giá khá nhiều trong 2 tuần vừa qua. 2 ngân hàng quốc doanh còn lại là VCB (-1.1%) và CTG (-1.6%) cũng tạo ra áp lực lớn cho chỉ số. Áp lực giảm điểm còn đến từ 3 ông lớn ngành hàng tiêu dùng là VNM (-0.8%), MSN (-3.8%) và SAB (-0.5%), cũng như 2 cổ phiếu đầu ngành BĐS là VIC (-0.8%) và NVL (-0.9%)

Diễn biến khá tương tự xảy ra tại HNX-Index mặc dù sắc đỏ xuất hiện ngay từ đầu phiên. HNX-Index hôm nay giảm 0.84 điểm, về mức 90.54 điểm. 2 cổ phiếu ngân hàng ACB và SHB giảm mạnh gây áp lực lớn lên chỉ số này.

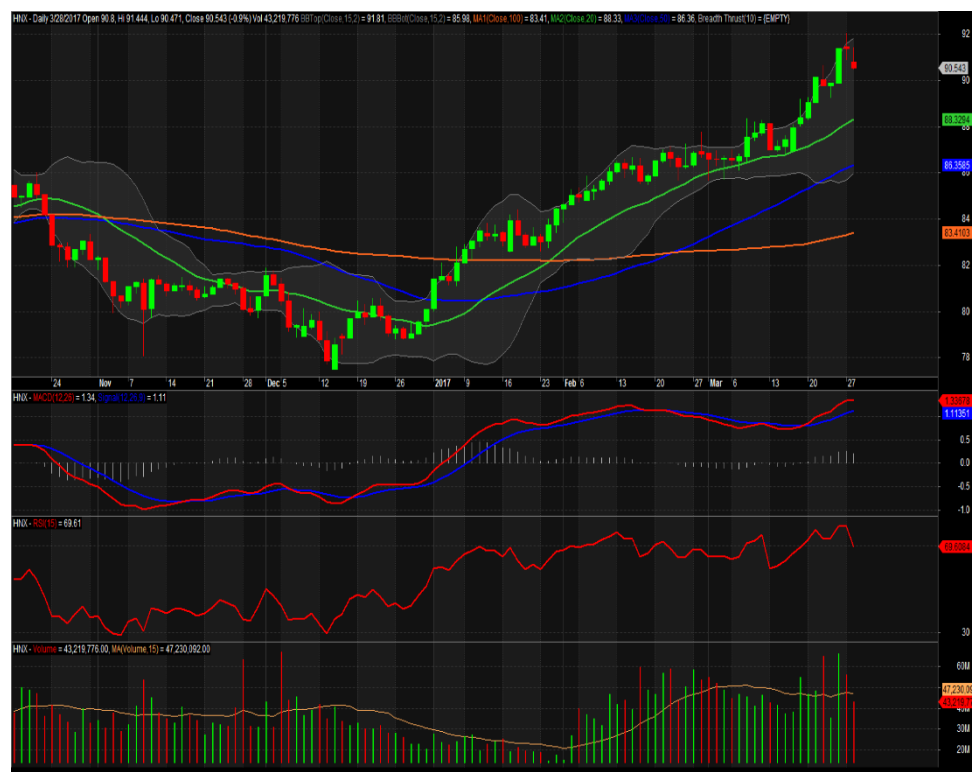
Cập nhật thị trường	HOSE	HNX	
Chỉ số	719.26	90.54	Độ rộng thị trường không quá tiêu cực khi số mã giảm giá không quá vượt trội so với số mã tăng. Tuy nhiên, các mã tăng giá tập trung ở nhóm cổ phiếu có tính đầu cơ như KBC, FLC, HHS hay ITC là dấu hiệu không tốt cho đà tăng trong ngắn hạn của thị trường.
% thay đổi	-0.59%	-0.92%	
Tổng KLGD (triệu CP)	221.92	43.21	
Tổng GTGD (Tỷ VND)	3,555.05	524.45	
KL Dư mua (triệu CP)	157.20	74.03	
KL Dư bán (triệu CP)	133.06	83.81	
Giao dịch nước ngoài	HOSE	HNX	
KL NĐTNN mua (triệu CP)	7.87	1.12	Nhóm cổ phiếu cao su tự nhiên phục hồi tốt trong phiên hôm nay nhờ diễn biến tốt của giá cao su thế giới: DPR (+2.1%), TRC (+1.11%), PHR (+2.9%).
KL bán (triệu CP)	9.06	1.03	
GT mua (tỷ đồng)	357.76	20.56	Khối ngoại tiếp tục mua ròng trong phiên hôm nay. Đây là phiên thứ 7 liên tiếp khối này mua ròng. VNM và VJC tiếp tục là đối tượng mua ròng của các NĐTNN. Ngoài ra, các NĐTNN còn mua ròng mạnh trong phiên hôm nay tại 2 mã có tính đầu cơ là KBC và DMC. Ở chiều ngược lại, khối này bán ra mạnh VCB, KDC, PVD, HPG và HSG.
GT bán (tỷ đồng)	289.44	9.22	
KL mua/bán ròng (triệu CP)	(1.19)	0.09	
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	68.32	11.34	
Chỉ số thị trường	HOSE	HNX	
P/B	4.49	1.71	
P/E	16.93	11.57	
Beta	0.93	0.80	
ROE	20.8%	14.9%	
ROA	10.8%	6.1%	

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT NGÀY 28.03.2017

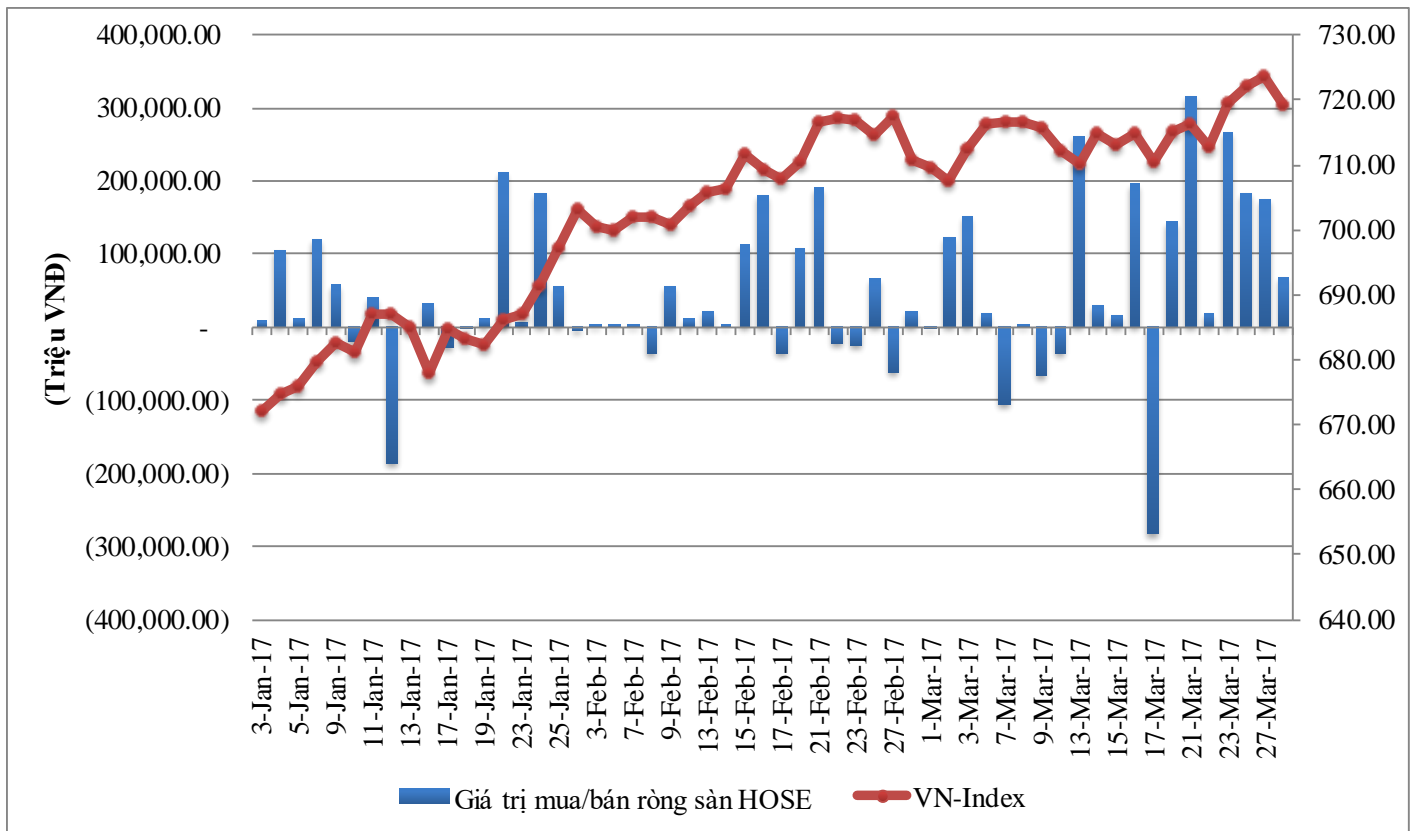
**VN-INDEX:** Một phiên điều chỉnh khá mạnh của VN-Index kèm theo thanh khoản lớn. Các chỉ báo không thể hiện rõ xu thế. Trong khi RSI có xu hướng sụt giảm, thì MACD lại cho tín hiệu mua. Thân nến phiên hôm nay đặc và bóng nến nhỏ cho thấy thị trường vẫn còn khá đồng thuận về xu thế giảm ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của index là vùng 706 – 707 điểm.



**HNX-INDEX:** Chỉ số sụt giảm mạnh kèm theo thanh khoản kém hơn trung bình các phiên trước. Các chỉ báo xung lượng trở nên tiêu cực hơn, Đường MACD có xu hướng giảm xuống hướng vào đường tín hiệu, RSI rút khỏi vùng quá mua. Phiên giảm hôm nay xác nhận xu thế giảm ngắn hạn của HNX-Index sau khi nến Doji xuất hiện trong phiên trước đó. Vùng hỗ trợ hiện tại của chỉ số là vùng 88 – 89 điểm.



## Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index



## Điểm tin doanh nghiệp

- **HDQT CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển (HOSE: VAF)** dự kiến sản lượng tiêu thụ 296,000 tấn với doanh thu 920 tỷ đồng, LNTT 55 tỷ đồng trong năm 2017. Theo ban lãnh đạo VAF, giá vật tư đầu vào (than) và nguồn cung phân bón trên thị trường tăng, trong khi giá phân bón đơn vẫn ở mức thấp, cạnh tranh gay gắt cả nội địa và xuất khẩu sẽ là những khó khăn ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh năm nay của công ty. *(Theo Đầu tư chứng khoán)*
- UBND tỉnh Quảng Nam đã chính thức trao Quyết định chấp thuận chủ trương cho **Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng địa ốc Đất Xanh (HOSE: DXG)** thực hiện dự án đầu tư Khu Dịch vụ - Du lịch nghỉ dưỡng Opal Ocean View có tổng diện tích 185 ha, với tổng vốn đầu tư hơn 4.600 tỷ đồng, tại Nam Hội An (Quảng Nam). *(Theo Đầu tư chứng khoán)*
- **Tập đoàn Vingroup - CTCP (HOSE: VIC)** vừa công bố BCTC kiểm toán hợp nhất 2016 với tổng doanh thu thuần hợp nhất đạt 57,614 tỷ đồng, tăng 69%, và LNST đạt 3,513 tỷ đồng, tăng 134% so với năm trước. *(Theo Vietstock.vn)*
- Ngày 11/4 tới đây **Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (HOSE: GAS)** sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 2/2016 bằng tiền tỷ lệ 7%. Thời gian thực hiện 28/4/2017.

- Ngày 7/4 tới đây **CTCP Bóng đèn Điện Quang (HOSE: DQC)** sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 2/2016 tỷ lệ 15. Thời gian thanh toán vào 5/5/2017.
- Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC (SIC) đăng ký bán toàn bộ 336,070 cổ phiếu VNM. Thời gian thực hiện từ 29/3/2017 đến 27/4/2017

## Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 10.02.2017

### HOSE

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HSX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	ROS	160,300	1.14%	2,848,730	454,369
2	HAG	9,650	-2.53%	15,643,050	152,915
3	VNM	140,800	-0.85%	1,026,200	145,402
4	FLC	8,390	1.08%	15,975,340	134,399
5	HSG	48,800	1.35%	2,605,970	127,026
6	HPG	42,950	-0.23%	2,948,930	126,251
7	HBC	57,000	-1.72%	1,741,620	100,027
8	DXG	19,050	0.00%	4,820,950	92,282
9	VJC	130,900	0.77%	675,680	89,522
10	SBT	24,700	0.00%	3,678,395	86,430

### HNX

Top GTGD nhiều nhất tại sàn HNX					
STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	ACB	24,700	-1.98%	6,733,559	98,083
2	HUT	14,200	-2.74%	3,933,267	49,175
3	SHB	5,800	-4.92%	3,443,113	39,960
4	VCG	16,100	0.00%	1,762,146	37,315
5	TVC	13,600	0.00%	1,446,200	23,286
6	PVS	17,500	0.00%	1,055,003	18,429
7	PIV	15,800	-2.47%	1,037,853	16,231
8	DST	25,200	0.80%	1,001,800	15,813
9	SHN	10,000	0.00%	939,257	14,219
10	CVT	55,700	0.72%	931,031	12,521

### Top tăng giá HSX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	APG	6,730	7.00%	564,370	3,760
2	PPI	2,460	6.96%	921,310	2,212
3	QCG	6,010	6.94%	804,420	4,764
4	KDH	25,850	6.82%	226,110	5,652
5	TNT	2,530	6.75%	521,220	1,314
6	VHG	2,720	6.67%	11,994,180	32,439
7	TSC	2,890	6.64%	3,255,660	9,293
8	REE	27,750	3.93%	2,395,020	65,491
9	PTC	5,430	3.82%	1,582,490	8,229
10	GTN	16,100	3.21%	1,759,570	27,451

### Top tăng giá HNX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	PVI	27,200	7.94%	418,904	11,011
2	SDY	7,700	6.94%	428,600	3,385
3	SPI	2,400	4.35%	317,200	762
4	SIC	7,300	4.29%	378,181	2,821
5	PVL	2,700	3.85%	306,200	815
6	TTH	9,300	3.33%	694,258	6,660
7	SHS	8,400	2.44%	797,920	6,646
8	DBC	32,000	1.59%	294,710	9,379
9	VIX	6,600	1.54%	596,436	3,949
10	VGC	15,200	1.33%	424,300	6,395

### Top giảm giá sàn HSX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	HID	5,200	-6.98%	4,893,890	25,487
2	VPH	11,000	-5.58%	1,395,110	15,264
3	LCG	7,980	-3.86%	1,650,950	13,338
4	MSN	46,000	-3.77%	779,870	36,407
5	HT1	22,300	-3.46%	282,780	6,400
6	QBS	5,320	-3.27%	200,490	1,079
7	DGW	16,350	-3.25%	343,270	5,690
8	BHS	12,500	-3.10%	1,808,430	22,994
9	TDH	13,300	-2.92%	918,380	12,309
10	AGR	3,920	-2.73%	927,440	3,712

### Top giảm giá HNX (KLGD > 200,000)

STT	Mã CK	Giá (VND)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (triệu VND)
1	SVN	2,800	-9.68%	608,910	1,778
2	HKB	6,800	-5.56%	1,762,146	12,178
3	TEG	8,900	-5.32%	409,800	3,738
4	SHB	5,800	-4.92%	6,733,559	39,960
5	KVC	2,500	-3.85%	421,800	1,056
6	BII	2,600	-3.70%	295,210	786
7	DPS	2,600	-3.70%	286,012	760
8	TTB	6,800	-2.86%	231,910	1,601
9	HUT	14,200	-2.74%	3,443,113	49,175
10	PIV	15,800	-2.47%	1,001,800	16,231

## Thống kê giao dịch khối ngoại

### HOSE

Top mua ròng về giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	
1	VNM	468,320	66,425,506	665,491,203	54.2%
2	VJC	235,350	31,181,673	14,180,550	25.3%
3	KBC	1,406,570	21,703,716	83,054,883	31.5%
4	DMC	161,730	15,549,040	14,089,851	59.4%
5	VHC	165,580	8,949,935	66,092,744	28.5%
6	CTD	400,000	7,202,813	5,026,098	42.5%
7	BMP	29,460	6,065,837	202,580	48.6%
8	STB	523,230	5,890,957	283,379,072	8.6%
9	PC1	141,000	5,657,127	18,646,399	24.2%
10	NT2	97,050	3,054,880	78,117,759	21.9%

### HNX

Top mua ròng về giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	
1	DBC	179,500	5,701,750	16,242,311	27.4%
2	PVS	288,430	5,046,525	94,856,631	27.8%
3	VGC	131,800	1,988,590	65,014,738	27.8%
4	VKC	61,000	847,900	4,883,816	24.6%
5	BVS	45,400	734,120	16,144,757	26.7%
6	VND	49,000	718,300	3,575,188	46.7%
7	INN	4,500	281,140	3,979,754	12.2%
8	HUT	18,000	259,350	52,941,640	19.0%
9	TNG	17,500	235,600	9,247,090	22.0%
10	TV2	900	188,770	13,849	48.1%

### Top bán ròng về giá trị sàn HOSE

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VCB	(718,830)	(27,000,424)	330,405,462	20.8%
2	KDC	(593,010)	(24,577,509)	80,037,169	17.8%
3	PVD	(835,050)	(16,799,385)	82,663,440	27.4%
4	HPG	(327,540)	(13,954,305)	110,531,742	35.9%
5	HSG	(236,710)	(11,564,497)	40,182,927	28.6%
6	SSI	(132,410)	(3,111,540)	218,147,849	55.5%
7	DCM	(250,000)	(2,659,639)	238,586,613	3.9%
8	SAB	(9,720)	(1,946,760)	251,602,812	9.8%
9	DRC	(56,620)	(1,818,105)	21,532,686	30.9%
10	HQC	(586,010)	(1,558,747)	173,836,379	8.3%

### Top bán ròng về giá trị tại HNX

STT	Mã CK	KL	Giá trị ('000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	SHB	(659,000)	(7,559,800)	202,556,004	16.6%
2	LHC	(8,500)	(556,750)	814,507	26.4%
3	TTC	(19,800)	(359,470)	2,383,373	9.2%
4	VNR	(8,300)	(194,760)	25,137,889	29.8%
5	SHN	(19,200)	(190,080)	57,496,896	0.1%
6	DHP	(19,500)	(183,300)	3,423,678	12.9%
7	MAS	(1,600)	(162,220)	1,012,615	15.4%
8	BII	(55,400)	(147,080)	25,965,390	4.0%
9	CAP	(4,100)	(130,370)	2,093,626	5.0%
10	HDA	(8,200)	(94,300)	4,692,195	8.2%

## Thống kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1 ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Công nghệ Thông tin	28,286.41	1%	-0.50%	2.74%	11.18	2.03	16%	7%	6%	20%
Công nghiệp	424,213.67	19%	0.23%	3.19%	20.30	4.75	16%	8%	15%	22%
Dầu khí	16,903.72	1%	0.40%	-6.71%	14.66	0.66	5%	2%	-7%	-5%
Dịch vụ Tiêu dùng	137,447.76	6%	-0.04%	2.77%	18.74	5.13	36%	10%	24%	6%
Dược phẩm và Y tế	31,611.43	1%	-0.30%	8.58%	24.46	3.26	22%	14%	12%	40%
Hàng Tiêu dùng	602,196.63	26%	-1.00%	1.71%	19.32	6.70	30%	20%	16%	34%
Ngân hàng	366,187.30	16%	-1.36%	3.63%	13.99	1.76	12%	1%	23%	52%
Nguyên vật liệu	151,244.19	7%	0.83%	3.19%	9.51	1.97	18%	10%	5%	14%
Tài chính	346,354.28	15%	-0.19%	1.08%	24.75	2.83	10%	3%	15%	27%
Tiện ích Cộng đồng	164,002.29	7%	-0.20%	-6.50%	12.81	2.19	16%	10%	15%	24%
Viễn thông	14,283.40	1%	0.99%	-0.12%	13.94	4.24	30%	11%	14%	44%



## TOP VỐN HOÁ SÀN HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6,464	20.73	1,451.00	43.16%	32.89%	194,489.65
2	SAB	SABECO	6,983	30.49	641.00	33.80%	21.97%	136,528.76
3	VCB	Vietcombank	1,897	19.55	3,598.00	14.50%	0.93%	133,477.21
4	VIC	VinGroup	591	74.44	2,638.00	3.78%	0.96%	116,059.15
5	GAS	PV Gas	3,704	15.01	1,913.00	16.90%	12.46%	106,382.15
6	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1,144	150.40	430.00	11.63%	7.39%	74,003.00
7	CTG	VIETINBANK	1,828	9.77	3,723.00	11.48%	0.79%	66,462.77
8	BID	BIDV	1,802	9.08	3,419.00	14.74%	0.66%	55,896.00
9	MSN	Tập đoàn Masan	2,472	17.60	1,138.00	11.77%	3.85%	49,514.40
10	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Nova)	3,238	22.42	589.00	20.63%	5.28%	42,788.21

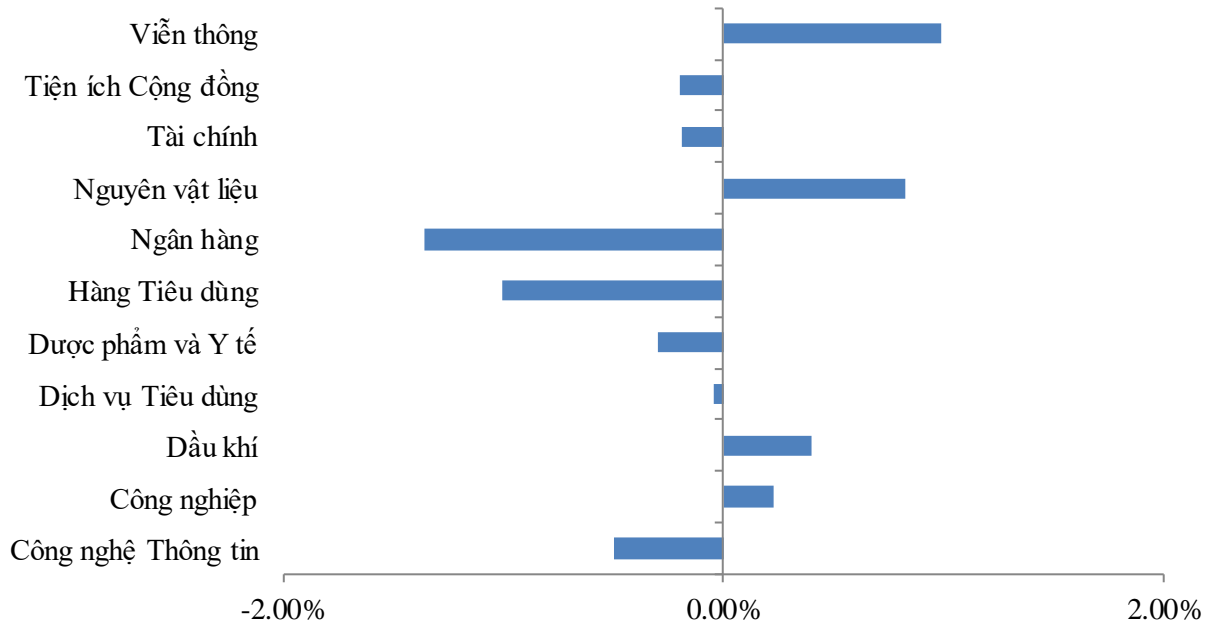
## TOP VỐN HOÁ SÀN HNX

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1,344	17.26	986.00	9.87%	0.61%	22,872.91
2	VCS	VCS STONE	12,009	13.14	60.00	55.28%	22.09%	9,468.00
3	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2,210	7.96	447.00	8.38%	3.80%	7,861.93
4	VCG	VINACONEX	1,078	14.75	442.00	6.44%	2.21%	7,023.20
5	SHB	SHB	921	5.43	1,119.00	7.66%	0.43%	5,595.96
6	NTP	Nhựa Tiền Phong	5,346	13.82	74.00	22.38%	11.90%	5,495.74
7	PVI	Bảo hiểm PVI	2,424	9.94	222.00	7.96%	3.36%	5,361.94
8	PHP	Cảng Hải Phòng	1,411	11.34	327.00	11.35%	8.44%	5,231.36
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1,727	8.22	307.00	12.74%	3.95%	4,359.40
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1,829	13.83	131.00	8.87%	3.74%	3,316.22

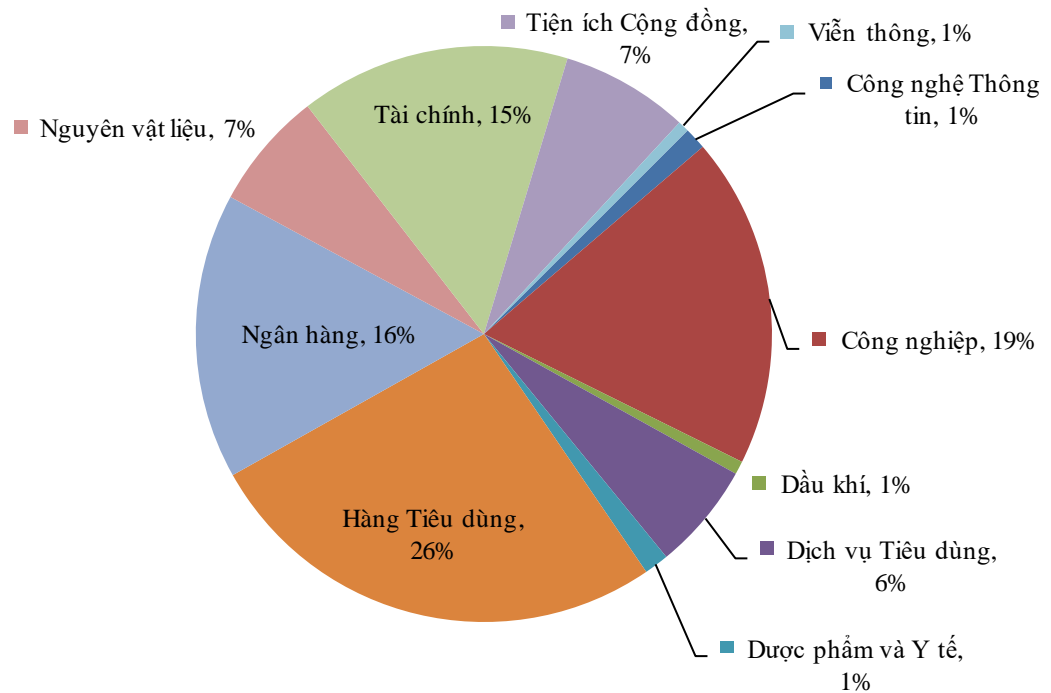
## TOP VỐN HOÁ SÀN UPCOM

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	1,002	51.47	2,177.00	8.33%	3.86%	112,241.99
2	HVN	Vietnam Airlines	2,480	12.28	1,228.00	17.54%	2.69%	37,389.45
3	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	5,165	13.27	538.00	21.66%	15.32%	36,874.19
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7,566	16.40	188.00	43.22%	24.93%	23,274.31
5	FOX	FPT Telecom	6,697	14.63	137.00	30.82%	11.12%	13,430.76
6	MSR	Tài Nguyên Masan	153	104.40	704.00	0.94%	0.41%	11,213.80
7	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	235.94	167.00	2.58%	2.56%	10,481.06
8	VIB	VIBBank	900	19.45	564.00	6.47%	0.59%	9,877.71
9	DTK	Vinacomin Power	21	656.35	680.00	0.23%	0.05%	9,520.00
10	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-514	-157.71	107.00	-6.29%	-4.85%	8,691.22

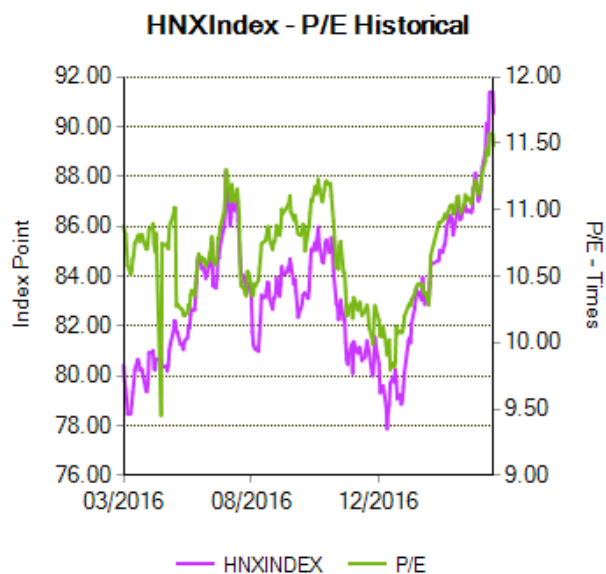
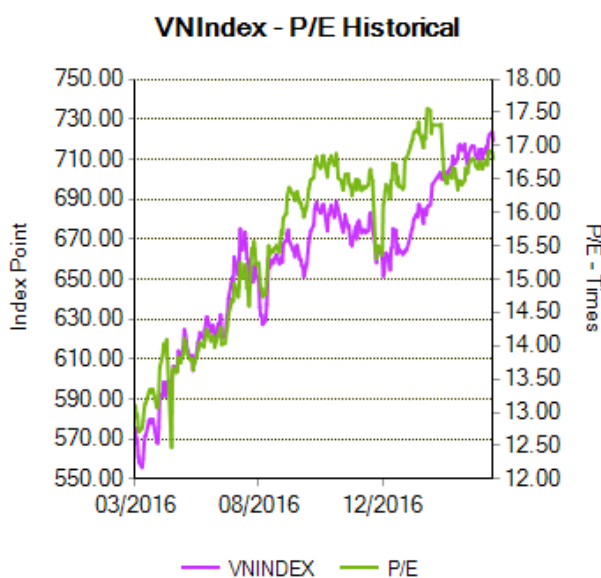
## Tăng/giảm theo ngành



## Tỷ trọng vốn hóa ngành







**MIỄN TRÁCH:** Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này.

Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở

Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: info@bmsc.com.vn